

Số: 22 / NQ-ĐHĐCĐ

Bim Sơn, ngày 28 tháng 04 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2000;  
Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Lilama5;  
Căn cứ Biên bản họp số:21/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021 với các nội dung chủ yếu như sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020:

- Giá trị sản lượng	: 125,338 tỷ đồng
- Doanh thu	: 96,414 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: (56,657) tỷ đồng
- Lỗ lũy kế	: (90,400) tỷ đồng
- Nộp ngân sách	: 10,188 tỷ đồng
- Đầu tư máy móc, thiết bị thi công	: 0 tỷ đồng

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021:

- Giá trị sản lượng	: 147,050 tỷ đồng
- Doanh thu	: 105,036 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: 0 tỷ đồng
- Nộp ngân sách	: 5,000 tỷ đồng
- Đầu tư máy móc, thiết bị thi công	: 1,000 tỷ đồng
- Cổ tức	: Không chia

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020.

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

**Điều 4:** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán như sau:

4.1. Tài sản – Nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
I	Tổng tài sản	Đồng	393.343.337.286
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	329.297.772.275

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
2	Tài sản dài hạn	Đồng	64.045.565.011
<b>II</b>	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>Đồng</b>	<b>393.343.337.286</b>
1	Nợ phải trả	Đồng	408.833.920.384
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	(15.490.583.098)

4.2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	96.414.653.709
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	(56.657.471.867)

**Điều 5:** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

TT	Nội dung	Cách tính	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2020		(56.657.471.867)
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020		0
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	3=1-2	(56.657.471.867)
4	Lãi do đánh giá lại các khoản tiền tệ (chưa được phân phối)		
5	Lợi nhuận còn lại dùng để phân phối	5=3-4	(56.657.471.867)
6	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang		(33.743.303.520)
7	Phương án phân phối lợi nhuận		
8	Lỗ chuyển sang năm 2021	6=3+6-7	(90.400.775.387)
9	Cổ tức năm 2020		Không

**Điều 6:** Thông qua phương án giảm lỗ lũy kế như sau:

6.1. Phương án ngắn hạn:

Năm	Doanh thu	Lợi nhuận	Đơn vị tính: Đồng
2021	105.036.000.000	0	(90.400.775.387)
2022	110.288.000.000	2.205.760.000	(88.195.015.387)

Năm	Doanh thu	Lợi nhuận	Giảm lỗ lũy kế
2023	115.852.000.000	3.475.560.000	(84.719.455.387)
2024	144.745.000.000	4.342.350.000	(80.377.105.387)
2025	151.982.000.000	6.079.280.000	(74.297.825.387)

Giải pháp thực hiện:

- + Tiếp tục làm việc với Vietinbank giãn thời gian trả nợ.
- + Tiếp tục thương thảo BIDV cơ cấu thời hạn trả nợ.
- + Tiếp tục thương thảo với khách hàng để giãn thời gian trả nợ.
- + Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu để tạo việc làm cho CBCNV, tạo doanh thu và dòng tiền trả nợ.
- + Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi công nợ, công tác nghiệm thu, quyết toán thu hồi vốn tại các dự án
- + Tiếp tục định biên CBCNV khỏi văn phòng cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Tiết giảm các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh
- + Bán thanh lý máy móc, thiết bị, vật tư, công cụ, dụng cụ hư hỏng hoặc không còn giá trị sử dụng để bổ sung nguồn vốn.

6.2. Phương án dài hạn:

Cơ cấu, bán tài sản trụ sở/nhà xưởng để trả nợ ngân hàng và bổ sung nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

**Điều 7:** Thông qua Báo cáo kết quả chi trả lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách. Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thư ký Hội đồng quản trị năm 2020 như sau:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 người) : 207.786.191 đồng
- Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách (01 người) : 135.809.391 đồng
- Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm (04 người) : 72.000.000 đồng
- Thù lao thành viên Ban kiểm soát (02 người) : 24.000.000 đồng
- Thư ký HĐQT (01 người) : 18.000.000 đồng

**Tổng cộng** : 457.595.582 đồng

**Điều 8** Thông qua kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và kế toán trưởng năm 2021 như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Tiền lương và thù lao (đồng/người /tháng)	Số tháng	Thành tiền (VNĐ)
I	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách				

TT	Chức danh	Số lượng	Tiền lương và thù lao (đồng/người /tháng)	Số tháng	Thành tiền (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	01	19.000.000	12	228.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát (Chuyên trách)	01	10.000.000	12	120.000.000
	<b>Cộng I</b>				<b>348.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Thù lao thành viên HĐQT, Thành viên BKS và thư ký HĐQT</b>				
1	Thành viên HĐQT	04	1.500.000	12	72.000.000
2	Thành viên BKS	02	1.000.000	12	24.000.000
3	Thư ký HĐQT	01	1.500.000	12	18.000.000
	<b>Cộng II</b>				<b>114.000.000</b>
<b>III</b>	<b>Tiền lương của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</b>				
1	Tổng giám đốc	01	16.000.000	12	192.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	03	15.000.000	12	540.000.000
3	Kế toán trưởng	01	15.000.000	12	180.000.000
	<b>Cộng III</b>				<b>912.000.000</b>
	<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>				<b>1.374.000.000</b>

**Điều 9:** Thông qua Tờ trình về việc: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán độc lập có tên dưới đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 gồm:

- Công ty TNHH kế toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)
- Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
- Công ty TNHH kế toán và kiểm toán Hà Nội (CPA).

**Điều 10:** Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện và tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu phân tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn.

**Điều 11:** Thông qua Báo cáo dự án đầu tư: Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 tại thành phố Vinh, Nghệ An được UBND tỉnh Nghệ An hủy bỏ quy hoạch dự án đầu tư và thu hồi lại đất.

**Điều 12:** Thông qua Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lilama5.

**Điều 13:** Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5.

**Điều 14:** Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Lilama5.

**Điều 15:** Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5.

**Điều 16:** Thông báo hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần Lilama5 theo Quyết định số 110/QĐ-SGDHN ngày 05/04/2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội như sau:

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: LO5
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng hủy niêm yết: 5.149.791 cổ phiếu (Năm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi một cổ phiếu)
- Giá trị cổ phiếu hủy niêm yết (theo mệnh giá): 51.497.910.000 đồng (Năm mươi một tỷ bốn trăm chín mươi bảy triệu chín trăm mười nghìn đồng)
- Ngày hủy niêm yết: 05/05/2021
- Ngày giao dịch cuối cùng tại sở GDCK Hà Nội: 04/05/2021
- Lý do hủy: Công ty cổ phần Lilama5 bị thua lỗ trong 3 năm liên tục theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018, 2019, 2020 và tổng số lỗ lũy kế vượt quá số vốn điều lệ thực góp tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, thuộc diện hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

**Điều 17:** Thông báo chuyển dữ liệu đăng ký lưu ký cổ phiếu LO5 từ thị trường niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sang thị trường đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (UPCOM) như sau:

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Lilama5
- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Lilama5
- Mã chứng khoán: LO5
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đăng ký: 5.149.791 cổ phiếu (Năm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi một cổ phiếu)
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 51.497.910.000 đồng (Năm mươi một tỷ bốn trăm chín mươi bảy triệu chín trăm mười nghìn đồng)
- Kể từ ngày 07/05/2021, VSD sẽ chuyển dữ liệu đăng ký, lưu ký chứng khoán LO5 từ thị trường niêm yết HNX sang thị trường UPCOM
- Lý do chuyển: Cổ phiếu Công ty cổ phần Lilama5 hủy niêm yết tại HNX theo Quyết định số 110/QĐ-SGDHN ngày 05/04/2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**Điều 18:** Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2021-2026) cụ thể như sau:

18.1. Danh sách trúng cử vào Hội đồng quản trị:

S T T	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: Số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền BQ tham dự ĐH (%)
-------------	-----------	--------------	---

1	Lưu Huy Phúc	2.879.113/3.022.659	95,25%
2	Nguyễn Xuân Thông	3.246.337/3.022.659	107,40%
3	Hoàng Thị Phương	2.866.061/3.022.659	94,82%
4	Bùi Thanh Phong	2.876.981/3.022.659	95,18%
5	Cù Minh Kim	2.866.711/3.022.659	94,84%

Hội đồng quản trị đã họp phiên đầu tiên nhiệm kỳ (2021-2026) và bầu ông Lưu Huy Phúc, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

18.2. Danh sách trúng cử vào Ban kiểm soát:

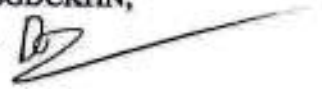
STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: Số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền BQ tham dự ĐH (%)
1	Phạm Thùy Dương	2.873.195/3.022.659	95,06%
2	Nguyễn Văn Hà	3.084.879/3.022.659	102,06%
3	Lưu Sỹ Học	2.867.650/3.022.659	94,87%

Ban kiểm soát đã họp phiên đầu tiên nhiệm kỳ 2021-2026 và bầu bà Phạm Thùy Dương, giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát.

**Điều 19:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cổ đông Công ty cổ phần Lilama5 chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 19;
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam -CTCP;
- UBCKNN; SGDCKHN;
- Lưu HĐQT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lưu Huy Phúc

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5**

**I. Thông tin về doanh nghiệp:**

Tên Công ty: Công ty cổ phần Lilama5

Địa chỉ: Số 179 Đường Trần phú, P.Ba Đình, TX Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hoá.

Giấy đăng ký kinh doanh số: 2800233448 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 15/06/2006. Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/03/2020.

**II. Thời gian và địa điểm:**

- Thời gian: 08 giờ 00 ngày 28/04/2021

- Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Lilama5

- Địa chỉ: Số 179 Trần Phú, Ba Đình, TX Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hoá.

**III. Nội dung và diễn biến Đại hội:**

1. Ông Phạm Ngọc Dũng - Chủ tịch Công Đoàn Công ty đọc diễn văn khai mạc Đại hội, giới thiệu đoàn chủ tịch Đại hội.

Đoàn chủ tịch Đại hội gồm:

- |                          |                                   |
|--------------------------|-----------------------------------|
| - Ông: Lưu Huy Phúc      | Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch đoàn     |
| - Ông: Nguyễn Xuân Thông | Thành viên HĐQT, TGD - Thành viên |
| - Bà: Hoàng Thị Phương   | Thành viên HĐQT, KTT - Thành viên |
| - Ông: Cù Minh Kim       | Thành viên HĐQT - Thành viên      |
| - Ông: Bùi Thanh Phong   | Thành viên HĐQT - Thành viên      |

2. Bà Phạm Thùy Dương, Trưởng Ban kiểm, Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội. Tổng số cổ đông sở hữu và nhận uỷ quyền dự họp là 46 người, đại diện cho 2.938.180 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 57,05 % vốn Điều lệ. Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 thì Công ty cổ phần Lilama5 có đủ điều kiện pháp lý để tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

3. Ông Lưu Huy Phúc, Chủ tịch Hội đồng quản trị giới thiệu Ban thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu gồm:

- Thư ký Đại hội: Ông Nguyễn Văn Dũng, Thư ký HĐQT

- Ban Kiểm phiếu:

+ Ông Phạm Ngọc Dũng                      Chủ tịch Công Đoàn công ty - Trưởng ban

+ Ông Nguyễn Văn Nhuận                      Thành viên

+ Bà Phạm Phương Thảo                      Thành viên

Đại hội đã thông qua và tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

4. Ông Cù Minh Kim, thành viên Hội đồng quản trị thông qua Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Đại hội đã thông qua và tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

5. Đại hội nghe trình bày các nội dung Báo cáo, Tờ trình:

- Ông Nguyễn Xuân Thông – TV HĐQT, Tổng giám đốc trình bày Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021.

- Bà Hoàng Thị Phương, Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng trình bày:

+ Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

+ Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

+ Thông qua phương án giảm lỗ lũy kế

+ Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

+ Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

- Ông Bùi Thanh Phong, Thành viên Hội đồng quản trị trình bày:

+ Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

+ Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

+ Thông báo hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần Lilama5 theo Quyết định số 110/QĐ-SGDHN ngày 05/04/2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

+ Thông báo chuyển dữ liệu đăng ký lưu ký cổ phiếu LO5 từ thị trường niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sang thị trường đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (UPCOM)

- Bà Phạm Thùy Dương, Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày:

+ Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

+ Thông qua Tờ trình về việc: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

+ Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

- Ông Cù Minh Kim, Thành viên Hội đồng quản trị trình bày

+ Thông qua Kết quả chi trả tiền lương cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát năm 2020. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao năm 2021

+ Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện và tiếp tục tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn

+ Thông qua Báo cáo dự án đầu tư: Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 tại thành phố Vinh, Nghệ An được UBND tỉnh Nghệ An hủy bỏ quy hoạch dự án đầu tư và thu hồi lại đất.

6. Đại hội thảo luận: Đại hội không có cổ đông nào tham gia ý kiến thảo luận về các nội dung Báo cáo, Tờ trình. Đại hội tiến hành biểu quyết các nội dung bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết.

7. Ông Phạm Ngọc Dũng, Chủ tịch Công Đoàn, Trưởng Ban kiểm phiếu:

Thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2021-2026. Đại hội đã thống nhất và tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.



- Đại hội không có đề xuất ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

- Ông Lưu Huy Phúc, Chủ tịch Hội đồng quản trị giới thiệu để bầu các ông/bà có tên sau tham gia bầu vào thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 theo Nghị quyết số: 89/NQ-HĐQT ngày 06/04/2021 của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP (Cổ đông 51% vốn Điều lệ) như sau:

• **Nhân sự Hội đồng quản trị:**

+ Giới thiệu ông Lưu Huy Phúc, Người Đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Lilama5, Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm Công ty cổ phần Lilama5 để bầu giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2021-2026.

+ Giới thiệu ông Nguyễn Xuân Thông, Người Đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Lilama5, Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5 để bầu giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2021-2026.

+ Giới thiệu bà Hoàng Thị Phương, Người Đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Lilama5, Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama5 để bầu giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2021-2026.

+ Giới thiệu ông Bùi Thanh Phong, Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm kiêm Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Công ty cổ phần Lilama5 để bầu giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2021-2026.

+ Giới thiệu ông Cù Minh Kim, Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm, Phó Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Công ty cổ phần Lilama5 để bầu giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2021-2026.

• **Nhân sự Ban kiểm soát:**

+ Giới thiệu để bầu bà Phạm Thùy Dương, Trưởng Ban kiểm soát đương nhiệm Công ty cổ phần Lilama5 giữ chức danh thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2021-2026.

+ Giới thiệu để bầu ông Nguyễn Văn Hà, Phụ trách phòng Kinh tế kỹ thuật Công ty cổ phần Lilama5 giữ chức danh thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2021-2026.

+ Giới thiệu để bầu ông Lưu Sỹ Học, Thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm Công ty cổ phần Lilama5 giữ chức danh thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2021-2026.

Đại hội đã thống nhất các ông, bà có tên nêu trên tham gia bầu vào thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2021-2026). Đại hội đã tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100% và tiến hành bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS.

8. Ông Phạm Ngọc Dũng, Chủ tịch Công Đoàn, Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả Biểu quyết các nội dung:

Theo chương trình Đại hội đồng cổ động biểu quyết cho 14 nội dung gồm các báo cáo, tờ trình. Việc biểu quyết được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu, cụ thể như sau:

Tại thời điểm bỏ phiếu biểu quyết có 48 người, đại diện cho 3.009.580 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 58,44% vốn Điều lệ.

- Tổng số phiếu phát ra: 48 phiếu
- Tổng số phiếu thu về: 48 phiếu
- Tổng số phiếu hợp lệ: 40 phiếu
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 8 phiếu

8.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021.

**Kết quả biểu quyết:**

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	38	2.952.880	98,12%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	2	27.531	0,91%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021.

8.2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

**Kết quả biểu quyết:**

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	38	2.952.880	98,12%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	0	0	0%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020

8.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

**Kết quả biểu quyết:**

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	37	2.944.218	97,83%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	3	36.193	1,20%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

8.4. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

**Kết quả biểu quyết:**

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
--	----------	-----------------------	---------

Đồng ý	37	2.944.218	97,83%
Không đồng ý	1	25.986	0,86%
Không có ý kiến	2	10.207	0,34%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

#### 8.5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

##### Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	37	2.944.218	97,83%
Không đồng ý	1	25.986	0,86%
Không có ý kiến	2	10.207	0,34%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

#### 8.6. Phương án giảm lỗ lũy kế

##### Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	36	2.943.394	97,80%
Không đồng ý	1	25.986	0,86%
Không có ý kiến	3	11.031	0,37%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Phương án giảm lỗ lũy kế

8.7. Báo cáo kết quả chi trả lương cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, Thủ lao TV HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020. Kế hoạch chi trả lương cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thủ lao TV HĐQT, BKS, tiền lương Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng năm 2021.

##### Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	36	2.943.394	97,80%
Không đồng ý	1	25.986	0,86%
Không có ý kiến	3	11.031	0,37%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả chi trả lương cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, Thủ lao TV HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020. Kế hoạch chi trả lương cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thủ lao TV HĐQT, BKS, tiền lương Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng năm 2021.

8.8. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

**Kết quả biểu quyết:**

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	37	2.944.218	97,83%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	3	36.193	1,20%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

8.9. Báo cáo kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu và tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn

**Kết quả biểu quyết:**

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	36	2.874.683	95,52%
Không đồng ý	2	36.285	1,21%
Không có ý kiến	2	10.207	0,34%

Như vậy, Đại hội đã thông qua kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu và tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn.

6.10. Báo cáo dự án đầu tư Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 thuộc Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 (nay là Công ty cổ phần Lilama5). Được UBND tỉnh Nghệ An hủy bỏ quy hoạch dự án đầu tư và thu hồi lại đất.

**Kết quả biểu quyết:**

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	36	2.874.683	95,52%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	4	105.728	3,51%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo dự án đầu tư Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 thuộc Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5.

8.11. Thông qua sửa đổi Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lilama5.

**Kết quả biểu quyết:**

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
--	----------	--------------------------	---------

Đồng ý	37	2.944.218	97,83%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	3	36.193	1,20%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc: Sửa đổi Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lilama5.

8.12. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Kết quả biểu quyết:**

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	37	2.944.218	97,83%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	3	36.193	1,20%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

8.13. Thông qua Quy chế về quản trị nội bộ về quản trị Công ty.

**Kết quả biểu quyết:**

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	37	2.944.218	97,83%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	3	36.193	1,20%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Quy chế về quản trị nội bộ về quản trị Công ty.

8.14. Thông qua Quy chế Ban kiểm soát.

**Kết quả biểu quyết:**

	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
Đồng ý	37	2.944.218	97,83%
Không đồng ý	0	0	0%
Không có ý kiến	3	36.193	1,20%

Như vậy, Đại hội đã thông qua Quy chế Ban kiểm soát

9. Thông qua danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 cụ thể như sau:

Tại thời điểm bỏ phiếu bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 có 51 người, đại diện cho 3.022.659 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 58,69% vốn Điều lệ

- Số phiếu bầu phát ra: 51 phiếu
- Số phiếu bầu thu về: 51 phiếu
- Số phiếu bầu hợp lệ: 46 phiếu

- Số phiếu bầu không hợp lệ: 5 phiếu

9.1. Danh sách trúng cử vào Hội đồng quản trị:

T T	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: Số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền BQ tham dự ĐH (%)
1	Lưu Huy Phúc	2.879.113/3.022.659	95,25%
2	Nguyễn Xuân Thông	3.246.337/3.022.659	107,40%
3	Hoàng Thị Phương	2.866.061/3.022.659	94,82%
4	Bùi Thanh Phong	2.876.981/3.022.659	95,18%
5	Cù Minh Kim	2.866.711/3.022.659	94,84%

9.2. Danh sách trúng cử vào thành viên Ban kiểm soát:

T T	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: Số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền BQ tham dự ĐH (%)
1	Phạm Thùy Dương	2.873.195/3.022.659	95,06%
2	Nguyễn Văn Hà	3.084.879/3.022.659	102,06%
3	Lưu Sỹ Học	2.867.650/3.022.659	94,87%

10. Thông qua Biên bản họp Hội đồng quản trị đã thống nhất bầu ông Lưu Huy Phúc, TVHĐQT giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2021-2026.

11. Thông qua Biên bản họp Ban kiểm soát đã thống nhất bầu bà Phạm Thùy Dương, thành viên Ban kiểm soát giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2021-2026.

12. Ông Nguyễn Văn Dũng, Thư ký đại hội thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Đại hội thống nhất và tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý 100%.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Nguyễn Văn Dũng

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Lưu Huy Phúc

Bim sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2021

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LILAMA5**

Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lilama5;

Căn cứ Nghị quyết số: 68/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 28/04/2020 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Lilama5.

Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2021 như sau:

### **I. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:**

#### **1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.**

T T	Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH2020/ KH 2020
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	192,000	125,338	65%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	160,000	96,414	60%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0	(56,657)	
4	Lỗ lũy kế	Tỷ đồng		(90,400)	
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	6,400	10,188	159%
6	Đầu tư (thiết bị thi công)	Tỷ đồng	1,500	0	0%

Năm 2020 Hội đồng quản trị đã triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo đúng nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thống nhất ban hành, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên kết quả sản xuất kinh doanh không hoàn thành kế hoạch và lỗ do một số nguyên nhân chính như sau:

- Trong năm 2020 do Công ty không có nhiều việc làm nguyên nhân do thị trường trong nước ít các dự án đầu tư, mặt khác do ngân hàng không phát hành bảo lãnh dự thầu dẫn đến doanh thu thấp, kết quả sản xuất kinh doanh lỗ.

- Công ty đầu tư nhà máy sản xuất vật liệu hàn LILAMA không hiệu quả dẫn đến hàng năm hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp phải chịu một khoản lỗ về khấu hao và chi phí lãi vay.

- Công tác quản lý, quản trị chưa được chặt chẽ. Công tác quyết toán khoán, quyết toán vật tư chưa kịp thời, đầy đủ.

- Công tác thu hồi công nợ chậm không hiệu quả.

- Cán bộ kỹ thuật Công ty thiếu, công tác theo dõi, giám sát, làm hồ sơ nghiệm thu, thu hồi vốn chậm.

- Công tác tuyển dụng lao động rất khó khăn nguyên nhân do Công ty chi trả lương hàng tháng chậm. Lực lượng lao động của Công ty không đáp ứng được nhu cầu thi công các dự án. Hàng năm lực lượng lao động có sự biến động do giảm chấm dứt hợp đồng.

- Năng lực máy móc, thiết bị thi công của Công ty cũ, lạc hậu không đáp ứng được yêu cầu, kỹ thuật của dự án.

## **2. Công tác đầu tư:**

Năm 2020 kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị là 1,5 tỷ đồng. Tuy nhiên do tình hình tài chính Công ty khó khăn nên Ban lãnh đạo Công ty không thực hiện đầu tư mua sắm thiết bị.

## **3. Công tác quản lý, quản trị.**

- Chỉ đạo giám sát hoạt động tài chính rà soát đối chiếu, phân loại các khoản nợ phải trả, phải thu, tập trung thu hồi công nợ, xử lý hàng tồn kho. Đồng thời chỉ đạo công tác giao khoán, quyết toán khoán, quyết toán vật tư.

- Sáp nhập Phòng: Kế hoạch đầu tư và Phòng: Vật tư quản lý thành Phòng: Kế hoạch vật tư. Định biên lại lao động khối văn phòng cho tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật.

## **4. Những hạn chế, tồn tại**

- Tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn:

+ Nợ quá hạn Vietinbank ngừng cho vay từ tháng 10 năm 2018, khởi kiện ra Tòa án Bim Sơn và đã chuyển sang thi hành án. Thi hành án Bim Sơn cưỡng chế nợ tại ngân hàng, thu hồi tài sản đấu giá.

+ BIDV ngừng cho vay từ tháng 5/2019 đến nay và yêu cầu Lilama5 lập kế hoạch trả nợ.

- Công tác thu hồi công nợ: Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ tại các công trình, dự án đã và đang thi công rất chậm không đạt hiệu quả. (Bao gồm các công trình, dự án như sau: Dự án dây chuyền mới nhà máy xi măng Bim Sơn; Chế tạo và lắp đặt KCT nhà Tua Bin và Nhà Bunker ký hợp đồng với Lilama 45-1 thuộc Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1; Chế tạo kết cấu thép Cầu rồng Đà Nẵng; Dự án gang thép Thái Nguyên; Nhà máy xi măng Sơn La; Nhà máy xi măng Hạ Long; Nhà máy xi măng Tuyên Quang; Thu hồi công nợ khách hàng mua que hàn và một số dự án khác...) tiềm ẩn nhiều rủi ro.

- Năng suất lao động thấp, hiệu quả sản xuất kinh doanh không có (lỗ)

- Bộ máy quản lý khối văn phòng công kênh chưa phù hợp với kết quả SXKD

- Chưa hoàn thành công tác tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn. Nguyên nhân do không có khách hàng quan tâm.



- Chưa hoàn thành công tác tái cơ cấu Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 tại thành phố Vinh, Nghệ An.

- Việc chi trả lương cho CBCNV trong Công ty chưa kịp thời.

- Nợ Bảo hiểm xã hội dẫn đến việc không giải quyết được các chế độ cho người lao động trong Công ty.

- Công tác giao khoán, quyết toán khoán, quyết toán vật tư, đối chiếu công nợ.

#### **5. Công tác nhân sự:**

- Căn cứ Nghị quyết số: 72/NQ-HĐQT ngày 04/5/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 5 về việc: Bổ nhiệm có thời hạn ông Phạm Văn Hoàn, kỹ sư công nghệ chế tạo máy, giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5, kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2020.

- Căn cứ Nghị quyết số: 94/NQ-HĐQT ngày 29/7/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 5 về việc: Miễn nhiệm, Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama5 như sau:

+ Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama5 đối với ông Nguyễn Tuấn Ngọc, kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2020.

+ Bổ nhiệm có thời hạn bà Hoàng Thị Phương, Sinh ngày 01/06/1979. Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Người Đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP tại Công ty cổ phần Lilama5, thành viên Hội đồng quản trị, Phó Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Lilama5 giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama5 thay ông Nguyễn Tuấn Ngọc, kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2020.

#### **6. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 đã tổ chức họp, lấy ý kiến gồm 17 phiên. Những phiên họp của Hội đồng quản trị có sự tham gia của Ban kiểm soát, Ban điều hành và trưởng các phòng ban Công ty. Hội đồng quản trị ban hành 29 Nghị quyết liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giao cho Tổng giám đốc tổ chức thực hiện bao gồm một số nội dung chính như sau:

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Số: 08/NQ-HĐQT	10/01/2020	Thực hiện doanh thu năm 2019, công tác thu hồi vốn và công tác lập báo cáo tài chính quý IV năm 2019	100%
2	Số: 14/NQ-HĐQT	12/02/2020	Triển khai thi công các dự án, công tác quyết toán, thu hồi vốn, sắp xếp lại bộ máy, định biên lao động khối phòng ban chức năng	100%
3	Số: 15/NQ-HĐQT	12/02/2020	Thông qua phương án thanh toán công nợ nhà thầu phụ Tổng công ty hợp tác kinh tế thi công trạm biến áp 220kV Nông Cống	100%

4	Số: 20/NQ-HĐQT	26/02/2020	Thông qua kế hoạch Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
5	Số: 26/NQ-HĐQT	28/02/2020	Miễn nhiệm, bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5	100%
6	Số: 27/QĐ-HĐQT	28/02/2020	Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5	100%
7	Số: 28/QĐ-HĐQT	28/02/2020	Bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5	100%
8	Số: 34/NQ-HĐQT	23/03/2020	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực chi năm 2019 của Người lao động và viên chức quản lý Công ty cổ phần Lilama5	100%
9	Số: 35/NQ-HĐQT	23/03/2020	Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của Người lao động và viên chức quản lý Công ty cổ phần Lilama5	100%
10	Số: 37/NQ-HĐQT	30/03/2020	Thông qua Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán	100%
11	Số: 61/NQ-HĐQT	22/04/2020	Tiếp tục thực hiện các nội dung còn tồn tại Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5	100%
12	Số: 62/NQ-HĐQT	22/04/2020	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020	100%
13	Số: 63/NQ-HĐQT	22/04/2020	Thông qua các nội dung Báo cáo, Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
14	Số: 65/QĐ-HĐQT	22/04/2020	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư quý I năm 2020. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư quý II năm 2020	100%
15	Số: 71/NQ-HĐQT	29/04/2020	Chi trả lương cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao cho TVHĐQT, TVBKS và thư ký HĐQT năm 2020	100%
16	Số: 72/NQ-HĐQT	04/05/2020	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5	100%
17	Số: 73/QĐ-HĐQT	04/05/2020	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama5	100%

18	Số: 79/QĐ-HĐQT	11/05/2020	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lilama5 nhiệm kỳ 2016-2021	100%
19	Số: 83/NQ-HĐQT	18/06/2020	Phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	100%
20	Số: 88/QĐ-HĐQT	07/08/2020	Thành lập Hội đồng thanh lý tài sản, vật tư, công cụ, dụng cụ năm 2020	100%
21	Số: 90/NQ-HĐQT	12/08/2020	Phê duyệt danh mục thanh lý vật tư, công cụ, dụng cụ	100%
22	Số: 92/NQ-HĐQT	17/08/2020	Thông qua Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được soát xét	100%
23	Số: 93/NQ-HĐQT	27/08/2020	Phê duyệt kết quả thẩm định giá, giá khởi điểm và tổ chức đấu giá bán thanh lý vật tư, công cụ, dụng cụ năm 2020	100%
24	Số: 94/NQ-HĐQT	29/07/2020	Miễn nhiệm và Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty	100%
25	Số: 95/NQ-HĐQT	04/09/2020	Tiếp tục thực hiện các nội dung còn tồn tại Nghị quyết của Hội đồng quản trị	100%
26	Số: 96/NQ-HĐQT	04/09/2020	Thông qua kết quả SXKD, đầu tư 6 tháng đầu năm 2020, kế hoạch SXKD đầu tư quý III năm 2020	100%
27	Số: 97/NQ-HĐQT	04/09/2020	Thông qua báo cáo của Tổng giám đốc về cung cấp nhân lực cho Tổng công ty tại dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2 và phương án chi phí triển khai thi công dự án Long Sơn tầng 4,5,6	100%
28	Số: 105/NQ-HĐQT	11/11/2020	Thông qua kết quả SXKD, đầu tư 9 tháng đầu năm 2020, kế hoạch SXKD đầu tư quý IV năm 2020	100%
29	Số: 107/NQ-HĐQT	02/12/2020	Thông qua Quy chế công bố thông tin và Quy chế dân chủ	100%

**7. Các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian là 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Công ty không có giao dịch**

**8. Hoạt động giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý:**

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định và các quy chế quy định quản lý nội bộ. Hội đồng quản trị luôn theo dõi giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ, quy chế của Công ty, triển khai đúng các mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020.

Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giao cho Tổng giám đốc tổ chức thực hiện. Tuy nhiên việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị chưa kịp thời.

**9. Chi trả lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký Hội đồng quản trị năm 2020:**

Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện đúng công tác chi trả tiền lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký Hội đồng quản trị năm 2020 theo đúng Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chức danh	Số lượng	Kế hoạch tiền lương và thù lao năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	01	261.465.000	207.786.191	79,47%
2	Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát (Chuyên trách)	01	159.600.000	135.809.391	85,09%
3	Thù lao thành viên HĐQT	04	72.000.000	72.000.000	100%
4	Thù lao thành viên BKS	02	24.000.000	24.000.000	100%
5	Thù lao thư ký HĐQT	01	18.000.000	18.000.000	100%
	<b>Cộng</b>		<b>535.065.000</b>	<b>457.595.582</b>	<b>85,52%</b>

**II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:**

**1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021:**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	147,050	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	105,036	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0	



*Bim sơn, ngày 26 tháng 4 năm 2021*

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LILAMA5**

*Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020,
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành 1 số điều của luật chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn 1 số điều về quản trị Công ty.
- Điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 5 được thông qua tại ĐHĐCĐ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama5 trân trọng trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát với các nội dung chính như sau:

- I. Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.
- II. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát năm 2020.
- III. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2020.
- IV. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.
- V. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
- VI. Kết luận và kiến nghị của BKS đối với HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.
- VII. Kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS.

**I. Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.**

**1. Nhân sự Ban Kiểm soát.**

Ban kiểm soát (BKS) của Lilama5 gồm 3 thành viên: 01 Trưởng ban làm việc chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Lilama5 ngày 28/4/2020 đã thông qua đơn từ nhiệm của trưởng Ban kiểm soát Bà Hoàng Thị Phương và bầu bổ sung Bà Phạm Thuý Dương làm thành viên Ban Kiểm soát và được bổ nhiệm là Trưởng Ban kiểm soát tại cuộc họp Ban kiểm soát cùng ngày.



## 2. Tổng kết tỷ lệ tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Thị Phương	Trưởng ban	1/6	17%	Miễn nhiệm từ 28/4/2020
2	Phạm Thuý Dương	Trưởng ban	5/6	83%	Bỏ nhiệm từ 28/4/2020
3	Lưu Sỹ Học	Thành viên	5/6	83%	Bận công tác
4	Đào Thị Loan	Thành viên	6/6	100%	

## 3. Hoạt động của BKS năm 2020.

Năm 2020 là năm có sự thay đổi về nhân sự BKS nhưng không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của BKS.

Trong năm 2020 BKS đã tổ chức 06 phiên họp trong đó 02 phiên họp làm việc với Ban Đại diện Công ty và 04 phiên họp thảo luận trong BKS, cụ thể như sau:

Phiên họp	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
Phiên 1 02/4/2020 (Làm việc với BDD Công ty)	-BKS: 3/3 -Công ty: 3/3	- Thảo luận và thông qua Báo cáo của BKS về thẩm định Báo cáo tài chính, đánh giá tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài chính năm 2019 của Công ty.  -Thảo luận thông qua Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của BKS để trình ĐHĐCĐ thường niên Công ty CP Lilama5 năm 2020 thông qua.  -Thảo luận và thông qua tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 để trình ĐHĐCĐ thường niên Công ty CP Lilama5 thông qua.
Phiên 2 28/4/2020 (Thảo luận trong BKS)	-BKS: 3/3 -Thư ký : 1/1	-Thảo luận và lấy ý kiến bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 5 tiếp tục nhiệm kỳ 2016-2021.
Phiên 3 26/6/2020 (Thảo luận trong BKS)	BKS: 3/3	-Thảo luận và thống nhất triển khai nội dung kế hoạch hoạt động và phân giao nhiệm vụ cho các thành viên BKS
Phiên 4	-BKS: 3/3	-Thảo luận và thông qua Báo cáo của BKS về đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Tổng giám đốc

  
2

31/8/2020 (Làm việc với BĐD Công ty)	-Công ty: 3/3	Công ty CP Lilama5 6 tháng đầu năm 2020. -Các công việc đã thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2020 của BKS.
Phiên 5 10/9/2020 (Thảo luận trong BKS)	BKS: 3/3	-Thảo luận và thống nhất các nội dung trong Bản dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS Công ty cổ phần Lilama5.
Phiên 6 4/11/2020 (Thảo luận trong BKS)	BKS: 2/3	-Thảo luận về thực hiện công việc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến công tác Dự toán và Quyết toán các Dự án thi công của Công ty.

Đánh giá chung: Trong năm 2020, BKS đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được ĐHCĐ giao một cách khách quan, chủ động trên cơ sở tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty.

BKS cũng thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, mọi vấn đề đều được bàn thảo công khai giữa các Kiểm soát viên trước khi biểu quyết thông qua theo nguyên tắc đa số. Đối với các nội dung quan trọng, BKS luôn tham khảo ý kiến của HĐQT, Tổng giám đốc trước khi quyết định.

## II. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát năm 2020.

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2020 về tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của BKS, BKS báo cáo về tình hình thực hiện như sau:

Chức danh	Số lượng	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % so với KH
Tiền lương Trưởng BKS (chuyên trách)	01	159.600.000	135.809.391	85,09%
Thù lao thành viên BKS	02	24.000.000	24.000.000	100%

Các lợi ích khác: Không

## III. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2020.

### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh.

Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH%
1. Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	192	125,3	65%
2. Doanh thu	Tỷ đồng	160	96,4	60%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0	-56,6	
4. Nộp NSNN	Tỷ đồng	6.4	10.19	159%
5. Đầu tư (Thiết bị công)	Tỷ đồng	1.5	0	0%





Trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường xây lắp, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực rất lớn trong mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên kết quả sản xuất kinh doanh không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

+ Năm 2020, Công ty không có nhiều việc làm, doanh thu thấp, chi phí tài chính tăng do phát sinh thêm chi phí trả lãi, tuy chi phí quản lý và giá vốn hàng bán có giảm, nhưng mức giảm ít, chưa tương đồng với mức giảm doanh thu dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh lỗ.

+ Hàng năm công ty phải chịu một khoản lỗ về khấu hao và chi phí lãi vay do việc đầu tư Nhà máy sản xuất vật liệu hàn LILAMA không hiệu quả.

+ Công tác thu hồi vốn chưa được triển khai hiệu quả, đặc biệt các công trình tồn đọng qua nhiều năm dẫn đến khó khăn về vốn cho SXKD và ảnh hưởng đến kết quả SXKD.

+ Do ảnh hưởng của dịch Covid 19, các Dự án đang thi công bị chậm tiến độ, các công việc khác như tìm kiếm việc làm, thu hồi vốn,... gặp nhiều khó khăn.

+ Hạn mức tín dụng tại Viettinbank đã ngừng cho vay từ tháng 10/2018, BIDV ngừng cho vay từ tháng 5/2019 và đang yêu cầu Lilama5 lập kế hoạch trả nợ. Năm 2020 dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không được sử dụng từ các tổ chức tín dụng, tất cả các hoạt động SXKD của công ty đều trông chờ từ nguồn thu của các dự án và các nguồn vay cá nhân, do đó Công ty không có nguồn để chi trả cho Ngân hàng, không giảm được nợ vay, phát sinh lãi trả chậm dẫn đến chi phí tài chính tăng trong kỳ. Việc các ngân hàng ngừng cho vay không chỉ dẫn tới những khó khăn về nguồn vốn, bên cạnh đó Công ty không thực hiện được các bảo lãnh nên công tác tiếp thị, đấu thầu không đủ điều kiện tham dự, ảnh hưởng đến kết quả SXKD.

## 2. Tình hình tài chính

Ban kiểm soát đã thực hiện xem xét, thẩm định BCTC năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến của Kiểm toán viên về BCTC năm 2020 của Công ty. Về cơ bản, BCTC của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số: 249/BCKT/TC ngày 12/3/2021 được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Ban kiểm soát đã thẩm tra và báo cáo một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

(Đơn vị: đồng)

Nội dung	Năm 2019-đã được kiểm toán	Năm 2020-đã được kiểm toán
1. Tài sản ngắn hạn	370,461,928,187	329,297,772,275
<i>Trong đó: Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>121,820,661,270</i>	<i>124,918,156,146</i>
<i>Hàng tồn kho</i>	<i>243,480,904,418</i>	<i>204,106,418,375</i>
2. Tài sản dài hạn	71,248,844,391	64,045,565,011
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>441,710,772,578</b>	<b>393,343,337,286</b>
3. Nợ phải trả	400,543,883,809	408,833,920,384

Trong đó: Nợ ngắn hạn	400,543,883,809	408,833,920,384
4. Vốn chủ sở hữu	41,166,888,769	(15,490,583,098)
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>441,710,772,578</b>	<b>393,343,337,286</b>
5 Tổng Doanh Thu	166,240,771,189	96,428,837,014
6. Tổng chi phí	194,799,508,770	153,086,308,881
7. Lợi nhuận sau thuế	(28,558,737,581)	(56,657,471,867)
<b>Chỉ tiêu đánh giá</b>		
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	83.8%	83.7%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	16.1%	16.2%
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	91%	104%
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	9.3%	-3.9%
Khả năng thanh toán hiện hành	0.92	0.81
Khả năng thanh toán tổng quát	1.10	0.96
Tỷ suất LNST/Tổng TS	-6.47	-14.4
Tỷ suất LNST/Tổng Doanh thu	-17.2	-58.7

\* Đánh giá:

Căn cứ các chỉ tiêu tài chính trên cho thấy Công ty đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức.

Quy mô Doanh thu tiếp tục giảm đáng kể, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 96.4 tỷ đồng chỉ bằng 58% doanh thu năm 2019 trong khi giá vốn hàng bán chỉ giảm 25% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế kỳ này âm 56.6 tỷ đồng cộng với số lỗ của các kỳ trước, lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 là 90.4 tỷ đồng kéo theo đó là sự sụt giảm của các chỉ tiêu tỷ suất sinh lời, hệ số khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán tổng quát đều < 1 cho thấy Công ty không đảm bảo và khó có khả năng thanh toán các khoản nợ, không bảo toàn được vốn.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại thời điểm 31/12/2020 là 119.9 tỷ đồng cao hơn 7.9 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, trong đó khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên 10.5 tỷ đồng, các khách hàng khác 44.5 tỷ đồng còn lại là phải thu khách hàng là các bên liên quan. Đây cũng là số nợ phải thu của nhiều kỳ trước trong số đó công nợ trên 3 năm là 41.8 tỷ đồng, phân tích theo tuổi nợ thì việc trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 4.3 tỷ đồng là chưa phù hợp. Nếu việc thu hồi công nợ không được xử lý kịp thời thì Công ty sẽ phải đối mặt với các khó khăn ngày càng lớn trong việc đảm bảo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh toán tiền lương, thanh toán các khoản chi phí khác ... và ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực tài chính của công ty.

Chỉ tiêu cơ cấu về vốn: Tổng nợ phải trả chiếm 103.9% tổng nguồn vốn, chiếm tỷ trọng lớn trong nợ phải trả là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn 227.2 tỷ đồng bằng 55,6% nợ phải trả, đây cũng là khoản vay của nhiều kỳ trước tồn lại.

#### **IV. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.**

##### **1. Kết quả giám sát HĐQT**

Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã tổ chức 17 cuộc họp, ban hành 23 Nghị quyết và 06 Quyết định liên quan đến các mặt hoạt động quản trị của Doanh nghiệp, các cuộc họp HĐQT được tổ chức theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết

định của HĐQT được ban hành theo thẩm quyền, nội dung gắn với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tập trung chủ yếu các nội dung: Triển khai thi công các dự án, công tác quyết toán và thu hồi vốn, sắp xếp lại bộ máy, định biên lao động khối phòng ban. Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020. Nghị quyết phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực chi năm 2019 và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của người lao động và viên chức quản lý Công ty. Các nghị quyết, quyết định về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc Công ty, quyết định phê duyệt đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020 và một số các nghị quyết liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

Công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định, các cuộc họp có nội dung liên quan đều có sự tham gia của đại diện Ban kiểm soát.

HĐQT thường xuyên có sự chỉ đạo sâu sát đối với Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch SXKD theo tinh thần các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT Công ty.

HĐQT đã thể hiện rõ sự quyết tâm trong việc chỉ đạo triển khai thi công các Dự án, công tác quyết toán thu hồi vốn, sắp xếp lại bộ máy, định biên lao động khối phòng ban, tuy nhiên ở thời điểm hiện tại, kết quả vẫn chưa như kỳ vọng do nhiều nguyên nhân như: sự thay đổi nhân sự ở các cấp quản lý trong thời gian ngắn cũng làm gián đoạn lộ trình định biên lao động, việc quyết toán thu hồi vốn chậm chưa mang lại hiệu quả như mong muốn do bộ phận quyết toán thiếu nhân lực và chưa thực sự phát huy vai trò, trách nhiệm.

HĐQT đã chỉ đạo rà soát, sửa đổi bổ sung một số quy chế, quy định nội bộ phù hợp với quy định mới của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty: Quy chế công bố thông tin và Quy chế dân chủ, Quy chế Ban kiểm soát, Quy chế khoán, Quy chế tài chính.

HĐQT đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình SXKD của Công ty để ban hành các Nghị quyết, Quyết định định hướng hoạt động cho Ban điều hành. HĐQT đã đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát tình hình SXKD tuy nhiên tình hình tài chính của Công ty vẫn rất khó khăn và chưa được cải thiện, năng suất lao động ở mức thấp, công tác quản lý và quản trị vẫn còn nhiều hạn chế và thiếu sót, kết quả SXKD thua lỗ đã đẩy tài chính của Công ty ngày càng khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

## **2. Kết quả giám sát Tổng Giám đốc.**

Năm 2020, cũng là năm có sự thay đổi về chức danh Tổng giám đốc Công ty. Ông Phạm Văn Hoàn Tổng Giám đốc Công ty: Miễn nhiệm từ ngày 28/2/2020. Ông Nguyễn Xuân Thông Tổng Giám đốc Công ty: Bổ nhiệm từ ngày 28/2/2020.

Các phiên họp của Ban điều hành, Ban kiểm soát tham dự tương đối đầy đủ, các văn bản của Ban điều hành gửi tới Ban kiểm soát cho thấy.

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.



Ban điều hành đã bám sát nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Tổng giám đốc đã tích cực chủ động trong chỉ đạo điều hành SXKD, tìm kiếm việc làm, chỉ đạo công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, áp dụng các biện pháp để tiết giảm chi phí như kiểm soát chặt chẽ các chi phí thi công, tiết giảm chi phí quản lý, tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm, tuy nhiên kết quả chưa cao.

*- Về công tác đầu tư:*

Năm 2020 tình hình tài chính Công ty khó khăn và chưa có nhiều Dự án mới, do đó Ban lãnh đạo Công ty chưa đầu tư thêm máy móc, thiết bị thi công, mà thực hiện tận dụng các thiết bị máy móc thi công sẵn có của Công ty còn sử dụng được để khắc phục khó khăn về tài chính trong thời điểm hiện tại.

*- Về công tác cơ cấu khối phòng ban, nhân sự:*

Tổng giám đốc đã chủ động thực hiện công tác cơ cấu lại khối phòng ban, nhân sự trên cơ sở các nghị quyết của HĐQT, cụ thể đã ban hành các quyết định, thay đổi nhân sự, bổ nhiệm lại có thời hạn một số chức danh lãnh đạo phòng ban Công ty, thành lập Phòng Kế hoạch - Vật tư trên cơ sở sáp nhập Phòng Kế hoạch đầu tư và Phòng vật tư-Quản lý máy. Định biên lại lao động khối văn phòng để phù hợp với quy mô Công ty, sửa đổi, bổ sung và ban hành một số quy chế, quy định nội bộ phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Công ty.

*- Công tác tiền lương, Bảo hiểm xã hội.*

Tổng quỹ tiền lương năm 2020 là: 32.7 tỷ đồng, chiếm 33,9% Tổng doanh thu trong kỳ mức lương bình quân là 9.5 trđ. Đến 31/12/2020, Công ty còn nợ lương CBCNVLD 7.7 tỷ đồng, nợ Bảo hiểm 12.8 tỷ đồng, cho thấy Công ty chưa thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, quyền lợi cho người lao động dẫn đến nguồn lao động có chất lượng giảm dần làm giảm năng suất lao động và giảm hiệu quả SXKD.

*- Công tác giao khoán.*

Trong năm 2020 các Dự án mới triển khai thi công đều đã kịp thời trong công tác giao khoán để quản lý chi phí, tuy nhiên đối với các dự án từ những năm trước đây đã thi công xong vẫn chưa hoàn thành công tác quyết toán với chủ đầu tư Bên A, quyết toán vật tư nội bộ, như Dự án công trình Nhà Quốc Hội mới, Dự án trạm nghiên XM Bim Sơn, Dự án XM Sơn La, Dự án XM Công Thanh và một số các dự án khác. Việc chậm trễ trong công tác quyết toán khoán làm ảnh hưởng đến công tác thu hồi công nợ và kết quả xác định lỗ, lãi thực tế của từng Dự án, do đó chưa phản ánh chính xác kết quả SXKD theo đúng thời điểm.

*- Công tác tái cơ cấu nhà máy que hàn trong năm 2020.*

Đối với phần tái cơ cấu dây truyền nhà máy que hàn, Ban điều hành chưa tìm được đối tác để chuyển nhượng hoặc bán, nguyên nhân do chưa có khách hàng quan tâm. Hiện nay, dây



truyền máy móc thiết bị vẫn đang được đặt tại Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép tại Bim Sơn.

*Công tác quản lý công nợ.*

Năm 2020 công tác quản lý công nợ gặp nhiều khó khăn do việc đối chiếu công nợ từ nhiều năm trước không được thực hiện dẫn đến khó khăn trong việc thanh toán và thu hồi công nợ cũng như việc đối chiếu công nợ. Cuối năm 2020, Công ty đang thực hiện rà soát đối chiếu công nợ phải thu khách hàng, phải trả khách hàng chi tiết theo từng công trình, từng đối tượng (phục vụ cho việc thu hồi nợ đọng và trả đúng công nợ cho khách hàng). Đối chiếu công nợ tạm ứng chi tiết theo từng công trình, theo từng đối tượng nợ (phục vụ cho quyết toán Dự án). Kết quả thực hiện như sau:

Trên TK 131 phải thu khách hàng: Tổng giá trị dư nợ: 119.9 tỷ đồng, dư có phải thu khách hàng (khách hàng ứng trước) 546.7 triệu đồng. Tổng cộng có 71 đối tượng khách hàng. Số thư đối chiếu đã được khách hàng xác nhận: 10/71 đối tượng, tỷ lệ đạt 68% tương đương 81.1 tỷ đồng/119 tỷ đồng nợ, trong đó Tổng công ty lắp máy Việt Nam (50.3 tỷ đồng/119.9 tỷ đồng).

Trên TK 141 Tạm ứng: Công ty có khoản ứng trước cho các cá nhân và Đội công trình với tổng số dư nợ: 6.86 tỷ đồng, dư có: 28.6 tỷ đồng. Số thư được đối chiếu trên TK 141 có xác nhận 21/121 đối tượng, tỷ lệ đối chiếu trên giá trị, đối chiếu dư nợ: 1.4 tỷ đồng chiếm 21%/tổng dư nợ, đối chiếu dư có: 13 tỷ đồng chiếm 46% tổng dư có. Điều này cho thấy những tồn tại trong công tác hạch toán và quản lý công nợ của nhiều năm để lại chưa được giải quyết xong, bên cạnh đó trên TK 141 có nhiều cá nhân đã nghỉ hưu, đã chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty, nhiều công trình đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và quyết toán xong với chủ đầu tư đến nay vẫn còn số dư.

Trên TK 331 phải trả người bán: Tổng số dư nợ: 1.7 tỷ đồng, dư có: 78.8 tỷ đồng. Tổng cộng có 148 đối tượng nợ, số thư đối chiếu đã được xác nhận 15/148 đối tượng, tỷ lệ đối chiếu theo giá trị, đối chiếu dư nợ: 175 triệu đồng, chiếm 10%/tổng dư nợ, dư có 37.5 tỷ đồng chiếm 48%/ tổng dư có.

*Công tác quản lý hàng tồn kho.*

Tháng 8 năm 2020 công ty đã trình HĐQT phê duyệt phương án thanh lý vật tư CCDC đối với những vật tư, CCDC kém phẩm chất, hư hỏng, không có nhu cầu sử dụng. Và đã được HĐQT phê duyệt theo NQ số 90/NQ-HĐQT và Quyết định số 91/QĐ-HĐQT về việc thành lập Hội đồng thanh lý tài sản, vật tư, CCDC năm 2020. Việc Thanh lý đã được diễn ra theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, công khai minh bạch. Nguồn thu từ việc thanh lý là 2.5 tỷ đồng trước thuế, được hạch toán vào doanh thu và sử dụng để chi trả tiền lương cho người lao động, trả thuế, trả các khoản bảo hiểm và một phần chi trả cho các đội công trình đang thi công.

Cuối năm 2020 Công ty đã tổ chức kiểm kê Tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, số liệu kiểm kê đã hợp nhất và có biên bản kiểm kê đầy đủ. Tại thời điểm 31/12/2020, hàng tồn kho của Công ty có giá trị là: 204,1 tỷ đồng, trong đó chi phí SXKD dở dang chiếm 99.5% hàng tồn kho (203.1/204.1 tỷ đồng) và giảm 39.3 tỷ đ so với đầu năm.

\*Đánh giá



Trong bối cảnh thị trường công việc nhiều thách thức và cạnh tranh gay gắt, cùng với tình hình tài chính vô cùng khó khăn, bên cạnh những tồn tại trong công tác quản lý, Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành, bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiếp tục kiên trì làm việc với các bên liên quan để từng bước tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, cố gắng thu xếp nguồn tiền để đảm bảo đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tích cực tiếp cận các dự án mới để tìm kiếm hợp đồng, Hợp đồng mới trong năm 2020. Công ty đã ký là Hợp đồng lắp đặt tháp trao đổi nhiệt NMXM Long Sơn, Hợp đồng thiết kế, cung cấp VT và thi công lắp đặt văn phòng, nhà ở CBNV Dự án NĐ Vân Phong 1, thi công các hạng mục: Lắp đặt kho kín, kho hở, kho lạnh của Dự án NĐ Vân Phong 1. Hợp đồng cung cấp nhân lực Dự án NĐ nghi Sơn. Tuy nhiên, xét chiều hướng tình hình SXKD qua các năm thì các hợp đồng dự án mới trên chưa có giá trị đủ lớn để gói đầu công việc. Điều này làm cho quy mô Doanh thu năm 2020 giảm mạnh chỉ đạt 58% so với năm 2019.

Tại thời điểm kiểm soát, Ban kiểm soát chưa nhận được Báo cáo bán giao Tổng giám đốc, do vậy mọi thông tin tại Báo cáo Ban kiểm soát tại thời điểm 31/12/2020 chưa có công tác đánh giá bán giao tổng giám đốc.

#### **V. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông.**

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS, trong năm 2020 BKS đã phối hợp với HĐQT, Ban điều hành Công ty trong việc triển khai công tác kiểm tra, giám sát và phòng ngừa rủi ro trong các hoạt động của Công ty.

BKS đã bám sát kế hoạch hoạt động năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 phê duyệt, thực hiện các công việc định kỳ như đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Tổng giám đốc Công ty, tình hình tài chính, thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm của Công ty, đưa ra một số đề xuất, kiến nghị liên quan đến công tác quản trị để HĐQT, Tổng giám đốc xem xét, tham khảo.

Cùng với hoạt động kiểm tra, giám sát quy trình, BKS đã thực hiện những nhiệm vụ mang tính định kỳ theo quy chế hoạt động và điều lệ Công ty như tham gia các cuộc họp giao ban của Công ty, họp HĐQT mở rộng, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ; các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, tham gia thảo luận, góp ý trong quá trình xây dựng, sửa đổi một số quy chế, quy trình quản lý.

HĐQT, Tổng giám đốc Công ty đã hỗ trợ, tạo điều kiện để BKS thực hiện giám sát theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động SXKD của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của HĐQT, Ban tổng giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời xin ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

Ban kiểm soát đã phối hợp với ban điều hành trong việc cung cấp các thông tin phục vụ thẩm định báo cáo tài chính kịp thời, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông theo quy định của Pháp luật.

## VI. Kết luận và kiến nghị của BKS đối với HĐQT, Tổng giám đốc Công ty.

### \* Kết luận:

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2020 về cơ bản tuân thủ theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Trong năm 2020, Ban kiểm soát chưa tìm thấy dấu hiệu bất thường trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

### \* Kiến nghị:

Xuất phát từ thực tế hoạt động và tình hình tài chính của Công ty, cùng những khó khăn thách thức mà Công ty đang phải đối mặt. Ban kiểm soát đề xuất kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty một số nội dung sau:

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc xây dựng phương án khắc phục tình hình tài chính của Công ty, tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm công việc làm nhằm duy trì hoạt động và tăng trưởng doanh thu, tạo công ăn việc làm cho người lao động trong các năm tới.

- HĐQT, Ban tổng giám đốc chỉ đạo quyết liệt đối với các dự án đã thi công xong từ những năm trước đây chưa hoàn thành công tác quyết toán với chủ đầu tư Bên A, quyết toán vật tư nội bộ như Dự án công trình Nhà Quốc Hội mới, Dự án trạm nghiền XM Bim Sơn, Dự án XM Sơn La, Dự án XM Công Thanh và một số các dự án khác... làm cơ sở pháp lý để Công ty thu hồi vốn kịp thời.

- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tiếp tục chỉ đạo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường quản lý chi phí trên công trường và tại văn phòng Công ty có hiệu quả hơn.

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc tiếp tục làm việc với Vietinbank, BIDV để cơ cấu thời hạn trả nợ và tiếp tục thương thảo với khách hàng để giãn thời gian trả nợ, đồng thời làm việc với cơ quan BHXH để cơ cấu thời gian trả nợ, phương án giải quyết chế độ cho người lao động.

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc tiếp tục xây dựng các biện pháp phát triển thị trường, rà soát hiệu quả việc sử dụng đất để có giải pháp phù hợp, khai thác sử dụng, phát huy tối đa năng lực nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị hiện có nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn, thu hồi nợ tồn đọng công trình nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD.

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc tiếp tục chú trọng công tác kiện toàn nhân sự, có phương án tuyển dụng, sắp xếp sử dụng lao động phù hợp với tình hình SXKD.

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc tập trung chỉ đạo tái cơ cấu phân dây truyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn, trong quá trình tái cơ cấu, cần có những biện pháp bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

- HĐQT chỉ đạo công tác bàn giao Tổng giám đốc, thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, triển khai nhanh tiến độ bàn giao về công tác bàn giao giữa hai Tổng giám đốc 2 giai đoạn là nguyên Tổng giám đốc Ông Phạm Đình San và Ông Phạm Văn Hoàn, bàn giao nguyên Tổng giám đốc Ông Phạm Văn Hoàn và Tổng giám đốc đương nhiệm Ông Nguyễn Xuân Thông.

#### **VII. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021**

- Tiếp tục giám sát việc thực hiện các nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT công ty.

- Tiếp tục giám sát các hoạt động của Công ty, trong đó tập trung công tác nghiệm thu, quyết toán và thu hồi vốn các công trình tồn đọng.

- Đánh giá tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài chính của Công ty.

- Có ý kiến đề xuất, kiến nghị tới HĐQT, Tổng giám đốc Công ty trên cơ sở kết quả hoạt động đánh giá, giám sát.

- Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên
- HĐQT, TGD
- Các KSV
- Lưu BKS, TKHĐQT

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Phạm Thủy Dương**



Bim son, ngày 26 tháng 04 năm 2021

## BÁO CÁO

Về việc: Kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu và tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LILAMA5**

Căn cứ Nghị quyết số: 114/TCT-HĐTV ngày 27/03/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lắp máy Việt Nam về việc: Phê duyệt chủ trương tái cơ cấu Nhà máy sản xuất vật liệu hàn LILAMA;

Căn cứ Nghị quyết số: 26/ NQ- ĐHĐCĐ ngày 19/4/2012; Nghị quyết số: 49/ NQ- ĐHĐCĐ ngày 26/4/2013; Nghị quyết số: 36/ NQ- ĐHĐCĐ ngày 23/4/2014; Nghị quyết số: 39/NQ- ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015; Nghị quyết số: 62/NQ- ĐHĐCĐ ngày 26/4/2016; Nghị quyết số: 40/NQ- ĐHĐCĐ ngày 28/4/2017; Nghị quyết số: 38/NQ- ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018; Nghị quyết số: 58/NQ- ĐHĐCĐ ngày 26/4/2019 và Nghị quyết số: 68/NQ- ĐHĐCĐ ngày 28/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Lilama 5 về việc: Thông qua chủ trương tái cơ cấu và tiếp tục tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 xin báo cáo kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu và tiếp tục tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn như sau:

Kể từ năm 2012 đến nay, Ban lãnh đạo Công ty đã mời rất nhiều các đối tác trong và ngoài nước để bán phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn như sau: Tập đoàn Hoa Sen-HoaSenGroup; Công ty TNHH ChosunVINA-KCN Long Thành, Đồng Nai; Văn phòng đại diện Que hàn Kiswel tại Việt Nam; Công ty TNHH Kuang Tai (Việt Nam)-KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai; Công ty SSH Corporation Đại diện cung cấp Que hàn Lincoln tại Việt Nam - Tập đoàn Lincoln Mỹ; Đại diện cung cấp que hàn Hyundai(Korea) tại Việt Nam; Công ty Que Hàn Nam Hà Việt; Công ty Que hàn Sovigas - thuộc Tổng công ty Hóa chất Việt Nam; Tập đoàn Hòa Phát-HoaPhatGroup... Tuy nhiên vẫn chưa hoàn thành.

Vậy Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 báo cáo kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu và tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất que hàn.

**Trân trọng!**

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lưu Huy Phúc**

Bim sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2020

### **BÁO CÁO**

Dự án đầu tư: Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 tại thành phố Vinh, Nghệ An được UBND tỉnh Nghệ An hủy bỏ quy hoạch dự án đầu tư và thu hồi lại đất.

#### **Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP LILAMA5**

Thực hiện Nghị quyết số: 58/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 26/04/2019 và Nghị quyết số: 68/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 28/04/2020 của Đại Hội đồng cổ đông thường về việc: Thông qua chủ trương tái cơ cấu khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 thuộc Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 (nay là Công ty cổ phần Lilama5).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 xin báo cáo kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 thuộc Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 (nay là Công ty cổ phần Lilama5) như sau:

Trong năm 2019 Ban lãnh đạo Công ty đã tìm được một số đối tác để thực hiện công tác tái cơ cấu khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 thuộc Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 (nay là Công ty cổ phần Lilama5). Tuy nhiên do một số hồ sơ giấy tờ liên quan đến khu đất Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 chưa hoàn thiện theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 5830/QĐ.UBND ngày 01/12/2017 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc: Xử lý các dự án đầu tư chậm tiến độ trên địa bàn tỉnh Nghệ An cho phép dự án được gia hạn hoàn thành và đưa vào sử dụng trước ngày 30/11/2019, nếu Lilama5 không thực hiện dự án đúng tiến độ gia hạn thì Ủy Ban nhân dân tỉnh sẽ hủy quy hoạch được duyệt, xử lý đất đai theo quy định.

Sau khi được Ủy Ban nhân dân tỉnh Nghệ An giao đất để thực hiện dự án, do tình hình tài chính của Công ty khó khăn, Lilama5 chưa thực hiện xây dựng các hạng mục theo quy hoạch. Hiện nay, dự án đầu tư Trường công nhân kỹ thuật lắp máy số 5 tại thành phố Vinh, Nghệ An được Ủy Ban nhân dân tỉnh Nghệ An hủy bỏ quy hoạch dự án đầu tư và thu hồi lại đất.

Vậy Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 xin Báo cáo Đại hội cổ đông.

**Trân trọng!**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Lưu Huy Phúc



# ĐIỀU LỆ

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5

## MỤC LỤC

<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>4</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>5</b>
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty .....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>6</b>
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....</b>	<b>8</b>
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	9
<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....</b>	<b>9</b>
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>9</b>
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông .....	12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	13
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 16. Thay đổi các quyền .....	15
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông ...	16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông...	18
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	20
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	24
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>24</b>
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	25
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	28
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	30
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty .....	30
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>31</b>
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	31
Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp .....	31
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	31

<b>IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>32</b>
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	32
Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát.....	32
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát.....	33
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	33
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	34
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát..	34
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>34</b>
Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng .....	34
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	35
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	35
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>	<b>36</b>
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	36
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	<b>37</b>
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn .....	37
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>37</b>
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	37
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....</b>	<b>38</b>
Điều 47. Tài khoản ngân hàng .....	38
Điều 48. Năm tài chính .....	38
Điều 49. Chế độ kế toán.....	38
<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>38</b>
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	38
Điều 51. Báo cáo thường niên .....	39
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>	<b>39</b>
Điều 52. Kiểm toán .....	39
<b>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>39</b>
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	39
<b>XVIII. GIẢI THẺ CÔNG TY.....</b>	<b>39</b>
Điều 54. Giải thẻ Công ty .....	39
Điều 55. Thanh lý.....	39
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>40</b>
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	40
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>41</b>
Điều 57. Điều lệ Công ty .....	41
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>41</b>
Điều 58. Ngày hiệu lực .....	41

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2021

### **I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần LILAMA5

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: LILAMA5 JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: LILAMA5., JSC

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : Số 179, đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại : 0237 3824 421

- Fax : 0237 3824 220

- E-mail : Lilama5@lilama5.com.vn

- Website : www.lilama5.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật như sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

##### **1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

<b>STT</b>	<b>Tên ngành nghề kinh doanh</b>	<b>Mã ngành</b>
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu  Chi tiết: Gia Công chế tạo, lắp đặt và tư vấn lắp đặt dây chuyền công nghệ, kết cấu thép các công trình, thiết bị lò hơi, bình, bể chứa gas, đường ống công nghệ chịu áp lực các loại	2599 (Chính)
2	Xây dựng Công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác  Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt các công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, hệ thống thông tin liên lạc, đường dây tải điện, trạm biến thế; Thi Công xử lý nền móng, trang trí nội thất; Lắp ráp thiết bị máy móc công trình	4290
4	Sản xuất khác chưa phân vào đâu  Chi tiết: Sản xuất kinh doanh vật tư (gạch lát, đá ốp lát, đá xây dựng, đất đèn, que hàn), phụ tùng, cấu kiện kim loại cho ngành xây dựng	3290
5	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
6	Xây dựng nhà các loại	4100
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ	6810



<b>STT</b>	<b>Tên ngành nghề kinh doanh</b>	<b>Mã ngành</b>
	sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng; kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng	
8	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
9	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô	4933
11	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại	4719
12	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, từ tính xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ, chống ăn mòn bề mặt kim loại; Tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thiết bị siêu trường, siêu trọng;	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đầu tư tại Công ty; hoàn thành các chỉ tiêu theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Phát triển Công ty có trình độ công nghệ, quản lý và chuyên môn hoá cao; kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ;
- c. Nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả đầu tư, mở rộng liên doanh liên kết, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế;
- d. Nâng cao đời sống người lao động, phát huy truyền thống văn hóa doanh nghiệp;
- e. Xây dựng, duy trì quan hệ hợp tác, phát triển đối tác chiến lược bền vững giữa Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP và doanh nghiệp liên quan khác.

### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan

đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. (Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan).

#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

##### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **51.497.910.000 đồng** (Bằng chữ: Năm mươi một tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm mười nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.149.791 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

##### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy

định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

### **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 11. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ này làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản

trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
  - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
  - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
  - m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số

lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu

không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

## **Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Tăng giảm vốn điều lệ Công ty
- c. Định hướng phát triển công ty;
- d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5 và 7 Điều này:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Tăng hoặc giảm vốn điều lệ Công ty;
- d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- đ. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4, 5 và 7 Điều này.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên

có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

8. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.



8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này.

## **Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố

thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng

viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; trên 90% được đề cử tối đa (09) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

### **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty;

người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d.) Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.



## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 41. Trách nhiệm cần trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

## **Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

## **Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng,

không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 45. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

### **Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



## **Điều 51. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 53. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 54. Giải thể Công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 55. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và

01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu trọng tài kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 57. Điều lệ Công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 58. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama5 nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này theo Nghị quyết số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021. Điều lệ này có hiệu lực từ ngày 28/04/2021 và thay thế Điều lệ Công ty thông qua ngày 28/4/2020

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Xuân Thông*

**PHỤ LỤC**  
**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5**

<b>Tên cổ đông</b>	<b>Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức</b>	<b>Loại cổ phần</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập</b>
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	124 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	2.626.500	51%	0100106313
Các cổ đông khác		Cổ phần phổ thông	2.523.291	49%	



# **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5**

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị .....	2
<b>CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị .....	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị .....	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị .....	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị .....	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	4
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ..	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ...	6
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	7
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	7
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch .....	8
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường .....	8
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị .....	9
<b>CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	10
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị .....	10
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	11
<b>CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH</b> .....	12
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm .....	12
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	12
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan .....	13
<b>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	13
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị .....	13
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành .....	14
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát .....	14
<b>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....	14
Điều 23. Hiệu lực thi hành .....	14

# QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 22/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 28/04/2021)

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Lilama5;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 22 /NQ-ĐHĐCĐ, ngày 28/04/2021;*

*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5;*

*Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 bao gồm các nội dung sau:*

## **CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;



b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy

định tại Điều lệ này làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh

quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

## **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

## **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

## **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## **CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.



3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện

những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo

thâm quyền hoặc tổ chức hợp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

### **Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama5 bao gồm 7 chương 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**LƯU HUY PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



# **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5**

**BỈM SƠN, THÁNG 04 NĂM 2021**

# MỤC LỤC

Dự thảo.....	Error! Bookmark not defined.
<b>QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ</b> .....	3
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5</b> .....	3
<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Giải thích một số từ ngữ .....	3
<b>CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG; TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	4
Điều 3. Đại hội đồng cổ đông và trình tự họp Đại hội đồng cổ đông .....	4
Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ .....	5
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ .....	5
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ .....	6
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	6
Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ .....	7
Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 11. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ.....	8
Điều 12. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	8
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	10
Điều 13. HĐQT và tiêu chuẩn thành viên HĐQT .....	10
Điều 14. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên HĐQT.....	10
Điều 15. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....	11
Điều 16. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....	11
<b>CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	11
Điều 17. Thông báo họp HĐQT .....	11
Điều 18. Điều kiện tổ chức họp HĐQT.....	11
Điều 19. Cách thức biểu quyết .....	12
Điều 20. Cách thức thông qua quyết định của HĐQT .....	12
Điều 21. Ghi biên bản họp HĐQT .....	12
Điều 22. Thông báo Quyết định của HĐQT.....	12
<b>CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT</b> .....	12
Điều 23. Vai trò của BKS và tiêu chuẩn thành viên BKS.....	12
Điều 24. Ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên BKS .....	13
Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS .....	13
Điều 26. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.....	13
<b>CHƯƠNG VI: TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....	13
<b>VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC</b> .....	13
Điều 27. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.....	13
Điều 28. Tổng Giám đốc .....	14
Điều 29. Việc bổ nhiệm người điều hành khác của doanh nghiệp .....	14
Điều 30. Ký hợp đồng với người điều hành doanh nghiệp .....	14
Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp .....	14
Điều 32. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp .....	15
<b>CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA</b> .....	15
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....	15
Điều 33. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.....	15
Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS .....	15
Điều 35. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc.....	16
Điều 36. Các trường hợp Tổng Giám đốc hoặc BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT .....	16
Điều 37. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao .....	16
Điều 38. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.....	16

<b>Điều 39. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT và BKS</b> .....	16
<b>Điều 40. Phối hợp hoạt động chung</b> .....	17
<b>CHƯƠNG VIII: BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ,</b> .....	17
<b>NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ LILAMA5</b> .....	17
<b>Điều 41. Kiểm toán nội bộ</b> .....	17
<b>Điều 42. Người phụ trách quản trị LILAMA5</b> .....	17
<b>CHƯƠNG IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG</b> .....	18
<b>KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC</b> .....	18
<b>Điều 43. Đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác</b> .....	18
<b>CHƯƠNG X: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b> .....	18
<b>QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ LILAMA5</b> .....	18
<b>Điều 44. Sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị LILAMA5</b> .....	18
<b>CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....	18
<b>Điều 45. Ngày hiệu lực</b> .....	18

## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021  
của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama5)*

### CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Lilama5 quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cổ đông và những người liên quan.

#### **Điều 2. Giải thích một số từ ngữ**

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “LILAMA5” hoặc “Công ty” là Công ty cổ phần Lilama5;

b. "Quản trị LILAMA5" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho LILAMA5 được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến LILAMA5. Các nguyên tắc quản trị LILAMA5 bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch các hoạt động của LILAMA5;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, TGD, BKS.

c. “HĐQT” có nghĩa là Hội đồng quản trị LILAMA5;

d. “BKS” có nghĩa là Ban Kiểm soát LILAMA5;

đ. “ĐHĐCĐ” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông LILAMA5;

e. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

f. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được HĐQT bổ nhiệm;

g. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng LILAMA5;

h. “Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác;

i. “Người phụ trách quản trị LILAMA5” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại khoản 3 Điều 31 Điều lệ LILAMA5.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

3. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định trong Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

## **CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG; TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 3. Đại hội đồng cổ đông và trình tự họp Đại hội đồng cổ đông**

#### **1. Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của LILAMA5. Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 13, 14 Điều lệ LILAMA5.

#### **2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông:**

2.1. LILAMA5 phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách).

2.2. Thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp được đăng tải trên website LILAMA5 và gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

### **Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên website LILAMA5 và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, nơi cô phiếu của LILAMA5 niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên website LILAMA5. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;



b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

đ. Mẫu ủy quyền của người dự họp. Mẫu ủy quyền được coi là hợp lệ khi đó là mẫu của LILAMA5, được đóng dấu treo của LILAMA5 và phải có chữ ký theo quy định sau:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.

- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với LILAMA5).

- Các trường hợp Giấy ủy quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của LILAMA5 sẽ do Chủ tọa đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.

- Một người có thể làm đại diện theo ủy quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

2. Trong trường hợp cần thiết có thể áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

### **Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ**

Trước khi khai mạc cuộc họp, LILAMA5 phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

### **Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ**

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, LILAMA5 cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một hoặc một số thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó, nội dung biểu quyết. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu, số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước

đó không thay đổi.

3. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được thực hiện theo các hình thức:

a. Bỏ phiếu theo hình thức bỏ phiếu biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

b. Bỏ phiếu biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu khi bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 7. Cách thức kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều này:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ LILAMA5;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Tăng hoặc giảm vốn điều lệ LILAMA5;
- d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- đ. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý LILAMA5;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của LILAMA5;
- g. Tổ chức lại, giải thể LILAMA5;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này.

3. Bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức dồn phiếu, quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 24 Điều lệ LILAMA5.

4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu biểu quyết kết thúc và được tiến hành ở một phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông hoặc đại diện Đoàn chủ tịch.

6. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.

7. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, Trưởng Ban kiểm phiếu đọc biên bản kiểm phiếu trước đại hội.

8. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

### **Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

1. Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành Ban kiểm phiếu lập biên

bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu.

2. Trưởng Ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại đại hội. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến, số phiếu ý kiến khác đối với từng vấn đề.

### **Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại LILAMA5 hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ LILAMA5 có quyền yêu cầu LILAMA5 mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần của từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu LILAMA5 mua lại. Yêu cầu phải gửi đến LILAMA5 trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề tại khoản này.

2. Trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ LILAMA5, trừ trường hợp các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ LILAMA5.

3. Trong mọi trường hợp cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của ĐHĐCĐ cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc huỷ Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

### **Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của LILAMA5. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số

phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các quyết định đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày hoặc đăng tải lên website LILAMA5 trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp có chữ ký của cổ đông, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của LILAMA5.

### **Điều 11. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ**

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của LILAMA5 trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua.

2. LILAMA5 phải tổ chức công bố thông tin về ĐHĐCĐ theo quy định công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 12. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các nội dung quy định tại khoản 7 Điều này để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của LILAMA5;

2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến do LILAMA5 phát hành phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- e. Thời hạn phải gửi về LILAMA5 phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của LILAMA5;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến gửi về LILAMA5 phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu hoặc gửi fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về LILAMA5 sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Các vấn đề đã được thông qua;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của LILAMA5, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông bằng việc đăng tải lên website LILAMA5 trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Các nội dung sau đây không được lấy ý kiến bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ LILAMA5;
- b. Định hướng phát triển LILAMA5;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Tăng hoặc giảm vốn điều lệ LILAMA5;
- đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và thành viên BKS;

- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của LILAMA5;
- g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h. Tổ chức lại, giải thể LILAMA5.

### **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 13. HĐQT và tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý LILAMA5, có toàn quyền nhân danh LILAMA5 để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của LILAMA5. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của HĐQT được quy định tại Điều 26 Điều lệ LILAMA5.

2. Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ LILAMA5 cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của LILAMA5. LILAMA5 đảm bảo tối thiểu 1/3 số thành viên HĐQT không điều hành.

3. Thành viên HĐQT LILAMA5 không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

4. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ LILAMA5.

#### **Điều 14. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên HĐQT**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; trên 90% được đề cử tối đa (09) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHCĐ tiến hành biểu quyết theo quy định pháp luật.

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHCĐ và công bố theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ LILAMA5.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo phê chuẩn của ĐHCĐ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các

ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

### **Điều 15. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ LILAMA5;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;

b. Có hành vi gây thiệt hại đến uy tín, lợi ích của LILAMA5;

c. Cố tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho LILAMA5 với tư cách là ứng viên HĐQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, lợi ích của LILAMA5;

d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

### **Điều 16. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của Điều lệ LILAMA5, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 17. Thông báo họp HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại LILAMA5.

### **Điều 18. Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ

nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có quá một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

### **Điều 19. Cách thức biểu quyết**

1. Thành viên HĐQT biểu quyết các nội dung cuộc họp bằng phiếu biểu quyết, mỗi thành viên có một (01) phiếu biểu quyết.

2. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua phiếu biểu quyết bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích hoặc mâu thuẫn với lợi ích của LILAMA5 theo quy định của pháp luật và Điều lệ LILAMA5.

### **Điều 20. Cách thức thông qua quyết định của HĐQT**

1. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được quá bán số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

### **Điều 21. Ghi biên bản họp HĐQT**

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của LILAMA5.

### **Điều 22. Thông báo Quyết định của HĐQT**

Quyết định của HĐQT phải được thông báo tới các bên liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ LILAMA5.

## **CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 23. Vai trò của BKS và tiêu chuẩn thành viên BKS**

1. Ban kiểm soát có vai trò giám sát các hoạt động quản trị, điều hành doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ Điều lệ LILAMA5 và pháp luật. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của BKS được quy định tại Điều 38 Điều lệ LILAMA5

2. Thành viên BKS phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của LILAMA5;



d. Không là người thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của LILAMA5;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của LILAMA5 trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên BKS không được giữ các chức vụ quản lý LILAMA5, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của LILAMA5.

4. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Thành viên BKS thực hiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ LILAMA5.

#### **Điều 24. Ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên BKS**

Việc ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên BKS được thực hiện tương tự như quy định tại Điều 14 Quy chế này.

#### **Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS**

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 23 Quy chế này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Ban Kiểm soát;
- b. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ LILAMA5;
- c. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ LILAMA5 và pháp luật.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của ĐHĐCĐ.

#### **Điều 26. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS**

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố thông tin theo các quy định của Điều lệ LILAMA5, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **CHƯƠNG VI: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**

#### **Điều 27. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp**

1. Tiêu chuẩn Tổng Giám đốc LILAMA5

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành;
- b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế đối với lĩnh vực kinh doanh

chính của LILAMA5;

c. Các tiêu chuẩn khác do HĐQT quy định.

2. Tiêu chuẩn của người điều hành khác của doanh nghiệp do HĐQT quy định.

3. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 33 Điều lệ LILAMA5.

### **Điều 28. Tổng Giám đốc**

1. Tổng giám đốc là đại diện pháp luật của LILAMA5, là người tổ chức điều hành cao nhất của LILAMA5. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 34 Điều lệ LILAMA5.

2. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của LILAMA5.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ LILAMA5.

### **Điều 29. Việc bổ nhiệm người điều hành khác của doanh nghiệp**

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, LILAMA5 được tuyển dụng người điều hành khác của doanh nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của LILAMA5 do HĐQT quy định. Việc bổ nhiệm người điều hành khác theo Điều lệ và quy chế nội bộ của LILAMA5.

### **Điều 30. Ký hợp đồng với người điều hành doanh nghiệp**

Việc ký hợp đồng với người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Điều lệ LILAMA5 và pháp luật.

### **Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

1. Người điều hành doanh nghiệp xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT tổ chức họp HĐQT và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến HĐQT thì người điều hành doanh nghiệp đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. HĐQT có thể miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của LILAMA5, vi phạm pháp luật;

b. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;

c. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

d. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

### **Điều 32. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được công bố thông tin theo các quy định của Điều lệ LILAMA5, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 33. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc**

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ LILAMA5.

2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, cán bộ điều hành khác trong LILAMA5 cung cấp các thông tin về hoạt động của LILAMA5. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của LILAMA5 hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ LILAMA5 do Tổng Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ và quy chế nội bộ của LILAMA5.

4. HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

5. Việc phối hợp cụ thể thực hiện theo Quy chế hoạt động của HĐQT do HĐQT ban hành sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

### **Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS**

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:

a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;

b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (cùng thời điểm gửi Tổng Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ LILAMA5.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT:

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không muộn hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý LILAMA5. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ LILAMA5 của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi

phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả, đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ; báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 35. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc**

1. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không muộn hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý điều hành LILAMA5. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

2. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ LILAMA5 của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

3. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của LILAMA5 tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

4. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của LILAMA5 hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 36. Các trường hợp Tổng Giám đốc hoặc BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT**

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có đề nghị của BKS hoặc Tổng Giám đốc. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT

### **Điều 37. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

Hàng quý hoặc đột xuất, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo với HĐQT về kết quả thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn đã được phân giao theo quy định nội bộ LILAMA5.

### **Điều 38. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc**

Hàng quý hoặc đột xuất, căn cứ vào kết quả thực hiện, HĐQT tổ chức họp kiểm điểm đối với Tổng Giám đốc về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc theo quy định nội bộ LILAMA5.

### **Điều 39. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT và BKS**

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo

a. Vào ngày 31/12 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân

sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;

b. Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh - dự toán ngân sách, báo cáo tài chính quý, năm (bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền lệ dự kiến) cho từng năm tài chính;

c. Các báo cáo khác khi được yêu cầu hoặc theo quy chế nội bộ của LILAMA5.

2. Tổng Giám đốc phải cung cấp thông tin trong phạm vi cho phép của mình, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi HĐQT hoặc BKS yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp thông tin. Tất cả các thông báo cho HĐQT và BKS phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi đến HĐQT, BKS trong thời gian sớm nhất.

#### **Điều 40. Phối hợp hoạt động chung**

1. Các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ LILAMA5, các quy định nội bộ và kế hoạch sản xuất kinh doanh chung của LILAMA5.

2. Các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc sẽ không can thiệp vào công việc điều hành của nhau.

3. Trong một số trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, BKS có thể thông tin cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Trưởng BKS hoặc tất cả để giải quyết công việc một cách kịp thời, hiệu quả.

### **CHƯƠNG VIII: BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ LILAMA5**

#### **Điều 41. Kiểm toán nội bộ**

1. HĐQT thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ để tham mưu, giúp việc HĐQT trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT.

2. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận kiểm toán nội bộ do HĐQT quy định.

#### **Điều 42. Người phụ trách quản trị LILAMA5**

1. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị LILAMA5:

Người phụ trách quản trị LILAMA5 phải là người có hiểu biết về pháp luật, làm việc tại LILAMA5, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của LILAMA5.

2. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị LILAMA5:

HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị LILAMA5. Người phụ trách quản trị LILAMA5 kiêm nhiệm Thư ký giúp việc HĐQT. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị LILAMA5 do HĐQT quyết định và có thể được bổ nhiệm lại.

Nhiệm vụ của người phụ trách quản trị LILAMA5 theo khoản 3 Điều 31 Điều lệ LILAMA5 và phân công của HĐQT.

3. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị LILAMA5:

HDQT có thể miễn nhiệm người phụ trách quản trị LILAMA5 khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị LILAMA5:

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị LILAMA5 theo quy định pháp luật.

## **CHƯƠNG IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG**

### **KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HDQT, BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**

**Điều 43. Đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HDQT, BKS, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác**

1. Căn cứ vào quy chế của LILAMA5 về khen thưởng kỷ luật và theo kết quả đánh giá của Hội đồng thi đua khen thưởng kỷ luật, LILAMA5 sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên HDQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có thành tích trong công tác quản lý.

2. Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của LILAMA5, tùy theo mức độ vi phạm của từng cá nhân, Hội đồng thi đua khen thưởng kỷ luật sẽ xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật.

## **CHƯƠNG X: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

### **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ LILAMA5**

**Điều 44. Sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị LILAMA5**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HDQT trình ĐHĐCĐ thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị LILAMA5 không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ LILAMA5.

2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của LILAMA5 chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của LILAMA5.

## **CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 45. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 11 chương, 45 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên LILAMA5 thông qua theo Nghị quyết số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021.

2. Quy chế này là thống nhất và chính thức của LILAMA5, có hiệu lực kể từ ngày 28/4/2021. Các bản sao và trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



*Bỉm sơn, ngày 28 tháng 4 năm 2021*

## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 5;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 5;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 5 bao gồm nội dung sau:

### **CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

#### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

## **CHƯƠNG II**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

#### **Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác nhau của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 4: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên (từ 03 đến 05 thành viên), nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 5: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và quản lý khác;



- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, (trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác);
- đ) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và (Điều lệ Công ty)

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và Công ty.

#### **Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn)

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

#### **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên (một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty) có quyền đề cử vào Ban kiểm soát. (Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác), việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc nhóm cho các cổ đông tự do họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên

phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. (Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác), việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên có quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

#### **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi

ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan đến Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, tính nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, tính trung thực của báo cáo tài chính kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm

tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và phải có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty xem xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành

doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, (trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác).

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoãn lại.

## **CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ

### **Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm và từng thành viên Ban kiểm soát.

## **CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

### **Điều 16. Trình báo cáo hàng năm**

Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điều 172 Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác của doanh nghiệp.

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

6. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

#### **Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác**

(Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác), thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao, thưởng lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát và những người liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

### **Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

### **Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

### **Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### **Điều 22. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 5 bao gồm: 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Phạm Thùy Dương**



## MỤC LỤC

CHƯƠNG I .....	1
QUY ĐỊNH CHUNG .....	1
Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh đối tượng áp dụng .....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát .....	1
CHƯƠNG II: .....	2
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN).....	
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát .....	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát .....	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát .....	2
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát .....	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát .....	3
Điều 8. Cách chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	4
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT .....	5
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát .....	5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát .....	7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông .....	7
CHƯƠNG IV : CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT.....	8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát .....	8
CHƯƠNG V : BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH .....	8
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	8
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	9
CHƯƠNG VI : MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát .....	10
Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành .....	10
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	10
CHƯƠNG VII.....	10
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....	10
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	10